

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM NGHỆ THUẬT TRUNG ƯƠNG
GIAI ĐOẠN 2017- 2022, TẦM NHÌN 2030

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1058/QĐ-ĐHSPNTTW
ngày 14 tháng 07 năm 2017 của Trường ĐHSP Nghệ thuật TW)*

PHẦN THỨ NHẤT
SỨ MẠNG VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN
CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM NGHỆ THUẬT TRUNG ƯƠNG

1. Sứ mạng

Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương (ĐHSP Nghệ thuật TW) là cơ sở đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực có trình độ đại học, sau đại học và nghiên cứu khoa học, chuyên giao công nghệ trong lĩnh vực Văn hóa, Giáo dục nghệ thuật đáp ứng các yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của đất nước và hội nhập quốc tế.

2. Tầm nhìn

Phân đầu đến năm 2030, Trường ĐHSP Nghệ thuật TW trở thành trung tâm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao và nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực Văn hóa, Giáo dục nghệ thuật có uy tín ở Việt Nam và hội nhập quốc tế.

3. Giá trị cốt lõi

Trách nhiệm, chuyên nghiệp, chất lượng, sáng tạo, nhân văn.

4. Định hướng phát triển

- Phát triển trường ĐHSP Nghệ thuật TW phù hợp với chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước; phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, giáo dục và đào tạo trong lĩnh vực văn hóa, giáo dục nghệ thuật ở Việt Nam;

- Chú trọng đào tạo nguồn nhân lực văn hóa - nghệ thuật có chất lượng trong nền kinh tế tri thức vì lợi ích cộng đồng và xã hội. Nâng cao chất lượng đào tạo toàn diện để cạnh tranh với những cơ sở đào tạo có uy tín cùng lĩnh vực trong nước, từng bước tiếp cận với chất lượng của các trường đại học tiên tiến trong khu vực và thế giới;

- Đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học; Chủ động mở rộng liên kết với các cơ sở đào tạo, viện nghiên cứu, các tổ chức trong và ngoài nước theo hướng đa phương hóa, đa dạng hóa các loại hình hợp tác để nâng cao hình ảnh, uy tín của Trường;

- Xây dựng đội ngũ cán bộ giảng dạy, nghiên cứu khoa học và cán bộ quản lý đạt chuẩn về chất lượng, đồng bộ về cơ cấu để có đủ năng lực thực hiện các nhiệm vụ chính trị của Nhà trường trong thời kỳ mới. Phân đấu đến 2022, 100% giảng viên đạt trình độ sau đại học, có trên 50 tiến sĩ;

- Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất và các trang thiết bị phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học, ứng dụng nghệ thuật

với hệ thống giảng đường, thư viện và hệ thống các dịch vụ cung cấp cho sinh viên có chất lượng cao.

5. Căn cứ pháp lý xây dựng chiến lược

- Luật Giáo dục đại học năm 2012;

- Điều lệ Trường Đại học ban hành kèm theo Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg, ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ;

- Nghị quyết 29/NQ-TW ngày 4/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế;

- Nghị quyết 14/2005/NQ-CP ngày 2/10/2005 của Chính phủ về đổi mới cơ bản và toàn diện giáo dục đại học Việt Nam giai đoạn 2006 - 2020;

- Chiến lược phát triển giáo dục 2011- 2020 ban hành kèm theo Quyết định số 711/QĐ-TTg ngày 13 tháng 6 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ;

- Nghị định 41/2012/NĐ-CP, ngày 08/5/2012 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập;

- Nghị định số 16/2015/NĐ-CP, ngày 14/2/2015 quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

- Quyết định số 117/2006/QĐ-TTg, ngày 26/5/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường ĐHSP Nghệ thuật Trung ương;

- Quyết định số 121/2007/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về phê

duyet Quy hoạch mạng lưới các trường đại học, cao đẳng giai đoạn 2006 - 2020;
- Quyết định số 6639/QĐ-BGDĐT ngày 29/12/2011 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc Phê duyệt Quy hoạch phát triển nhân lực ngành Giáo dục giai đoạn 2011 - 2020;

PHẦN THỨ HAI

BỐI CẢNH VÀ THỰC TRẠNG

CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM NGHỆ THUẬT TRUNG ƯƠNG

1. Bối cảnh trong nước và quốc tế

1.1. Bối cảnh quốc tế

Tốc độ phát triển của khoa học công nghệ trên thế giới đã tạo ra những thành tựu mang tính đột phá, làm thay đổi căn bản những thuộc tính của nền kinh tế; đưa xã hội loài người chuyển từ nền văn minh công nghiệp sang nền văn minh trí tuệ. Chưa bao giờ nguồn lực con người được đề cao và giáo dục đào tạo có thời cơ thuận lợi để phát triển như hiện nay.

Xu thế toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế gia tăng, các quốc gia tham gia ngày càng nhiều vào quá trình hợp tác và liên kết khu vực, liên kết quốc tế về thương mại, giáo dục, văn hóa nghệ thuật và nhiều lĩnh vực khác... Hợp tác giữa các nước ngày càng tăng khiến cạnh tranh cũng trở nên gay gắt, đòi hỏi các nước phải đổi mới công nghệ, phát triển giáo dục và dành cho giáo dục những đầu tư ưu tiên, đẩy mạnh cải cách giáo dục nhằm giành ưu thế cạnh tranh trên trường quốc tế. Giáo dục trong thế kỷ XXI “phải thực hiện được sứ mệnh nhân văn tiến trình toàn cầu hóa, biến toàn cầu hóa thành điều có ý nghĩa đối với từng con người với tất cả các quốc gia”.

Thành tựu của khoa học kỹ thuật đặc biệt công nghệ thông tin và truyền thông đã tạo cơ hội lớn cho tiến trình hiện đại hóa. Các phương tiện truyền thông, viễn thông, Internet tạo thuận lợi cho giao lưu tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại đồng thời cũng diễn ra cuộc đấu tranh gay gắt để bảo tồn bản sắc văn hóa dân tộc. Nhằm thích ứng với xu thế toàn cầu hóa, các trường đại học trên thế giới nhìn chung đều hướng tới việc phát huy nội lực, tạo lợi thế cạnh tranh bền vững, lâu dài; tăng cường đáp ứng nhu cầu kinh tế - xã hội.

Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang diễn ra mạnh mẽ trên thế giới, tác động lên nhiều lĩnh vực từ kinh tế, văn hóa xã hội đến giáo dục. Ảnh hưởng của cách mạng 4.0 là máy móc dần thay thế sức người. Từ đó, vừa tạo ra vừa cơ hội tạo ra áp lực cho các trường đại học phải nâng cao chất lượng đào tạo để tạo ra nguồn nhân lực có khả năng cạnh tranh cao.

1.2. Bối cảnh trong nước

Việt Nam đã trở thành thành viên chính thức của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) tạo cơ hội cho kinh tế nước ta phát triển đồng thời mở ra thời cơ mới cho phát triển giáo dục đại học. Đây là thách thức lớn nhưng cũng là cơ hội vàng, là bước ngoặt để giáo dục đại học Việt Nam phát triển sớm đuổi kịp được các nền giáo dục hiện đại trên thế giới.

Nghị quyết số 14/2005/NQ-CP ngày 02/11/2005 về đổi mới cơ bản và toàn diện giáo dục đại học Việt Nam khẳng định nhiệm vụ cơ bản của ngành giáo dục trong những năm tới là “Đổi mới cơ bản và toàn diện giáo dục đại học, tạo được chuyển biến cơ bản về chất lượng, hiệu quả và quy mô, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, hội nhập kinh tế quốc tế và nhu cầu học tập của nhân dân. Đến năm 2020, giáo dục Việt Nam đạt trình độ tiên tiến trong khu vực và tiếp cận trình độ tiên tiến trên thế giới; có năng lực cạnh tranh cao, thích ứng với cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa”.

Chiến lược phát triển giáo dục giai đoạn 2011 - 2020 xác định rõ mục tiêu cụ thể của giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học Việt Nam:

“Hoàn thiện cơ cấu hệ thống giáo dục đại học; điều chỉnh cơ cấu ngành nghề và trình độ đào tạo, nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng nhu cầu nhân lực cho phát triển kinh tế - xã hội; đào tạo ra những con người có năng lực sáng tạo, tư duy độc lập, trách nhiệm công dân, đạo đức và kỹ năng nghề nghiệp, năng lực ngoại ngữ, kỹ luật lao động, tác phong công nghiệp, năng lực tự tạo việc làm và khả năng thích ứng với những biến động của thị trường lao động; một bộ phận có khả năng cạnh tranh trong khu vực và thế giới... Đến năm 2020, tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề nghiệp và đại học đạt khoảng 70%; tỉ lệ sinh viên tốt cả các hệ đào tạo trên một vạn dân vào khoảng 350 - 400.

Để đạt được mục tiêu chiến lược, cần thực hiện tốt 8 giải pháp, trong đó

chốt...Tiếp tục đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo để đến năm 2020, 100% giảng viên đại học đạt trình độ thạc sĩ trở lên; 100% giảng viên đại học và cao đẳng sử dụng thành thạo một ngoại ngữ. Đồng thời, thực hiện đề án đào tạo giảng viên có trình độ tiến sĩ cho các trường đại học để đến năm 2020 có 25% giảng viên đại học là tiến sĩ”...

2. Cơ hội và thách thức đối với sự phát triển của Nhà trường

2.1. Cơ hội

Trong bối cảnh toàn cầu hóa về kinh tế, với đường lối đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ quốc tế, văn hóa nước ta có cơ hội tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại và sáng tạo những giá trị văn hóa mới, làm phong phú cho văn hóa của dân tộc, quảng bá được văn hóa của dân tộc ra thế giới.

Cơ chế thị trường huy động các thành phần kinh tế sản xuất, kinh doanh tham gia vào lĩnh vực văn hóa nghệ thuật, mở ra khả năng giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập, tạo tiền đề cho việc phát triển “công nghiệp văn hóa”.

Quá trình hội nhập quốc tế ngày càng sâu và toàn diện, tạo cơ hội thuận lợi cho Nhà trường có thể tiếp cận với nền giáo dục tiên tiến; có điều kiện để học tập kinh nghiệm xây dựng, phát triển của các trường đại học trong khu vực và thế giới.

Đất nước đang trong thời kỳ phát triển về cơ cấu dân số, với 2/3 dân số trong độ tuổi lao động, trong đó đến hơn 86% lực lượng chưa được đào tạo nghề. Nhu cầu lực lượng lao động có trình độ cao nhằm đáp ứng sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước trong thời gian tới đang là cơ hội rất lớn để Nhà trường phát triển.

Cùng với đó, uy tín về chất lượng giáo dục - đào tạo, vị thế của Nhà trường ngày càng được khẳng định trong hệ thống giáo dục quốc dân, tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển về mọi mặt.

2.2. Thách thức

Bên cạnh các cơ hội luôn là những thách thức đối với sự phát triển của Nhà trường:

Những chủ trương, chính sách phát triển giáo dục của Đảng và Nhà nước, trong đó có sự phát triển quy mô giáo dục đại học và thực tế tuyển sinh đã tạo

nên thách thức về thể và lực của Nhà trường trong hệ thống đa dạng hóa các trường đại học.

Sự xuất hiện ngày càng nhiều các cơ sở đào tạo nước ngoài tại Việt Nam. Xu hướng du học tại chỗ đang tạo nhiều áp lực cạnh tranh không chỉ về sức hút đối với sinh viên mà còn cả đối với nguồn giáo viên có trình độ cao. Các hình thức hợp tác, liên kết đào tạo cũng đặt ra nhiều thách thức và đòi hỏi về ngành nghề đào tạo mới, về chất lượng trường đại học, về sản phẩm đào tạo, về tự do hoá cung ứng dịch vụ đào tạo đại học.

Quá trình hội nhập quốc tế về kinh tế, văn hóa và các hoạt động khác là một thách thức, đòi hỏi giáo dục đào tạo nước ta phải vươn lên đạt chuẩn khu vực và quốc tế; thúc đẩy các cơ sở giáo dục (trong đó có Trường ĐHSP NTTW) cần nhanh chóng nâng cao chất lượng đào tạo, đồng thời tạo thêm nguồn lực bổ sung về thông tin, tri thức, chuyên gia, tài chính để nâng cao trình độ giáo dục, rút ngắn khoảng cách với các cơ sở đào tạo tiên tiến trong khu vực, trên thế giới, tránh nguy cơ tụt hậu và đánh mất vị thế.

Các chương trình đào tạo và nghiên cứu khoa học của Trường ĐHSP NTTW cần phải theo hướng nghiên cứu mới, chuyên sâu nhằm đáp ứng với xu thế phát triển mới của đất nước và của khu vực. Đồng thời thích ứng được với cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong kế hoạch xây dựng và phát triển Nhà trường.

3. Thực trạng của Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật trung ương

3.1. Về tổ chức, quản lý và đội ngũ

Trường Đại học Sư phạm nghệ thuật TW là đơn vị trực thuộc Bộ GD&ĐT; được tổ chức, quản lý phù hợp với quy định của Điều lệ trường đại học và các văn bản quy định của Nhà nước. Cơ cấu tổ chức Trường ĐHSP NTTW bao gồm: Đảng ủy, Ban Giám hiệu, Hội đồng khoa học và đào tạo, 09 phòng chức năng, 14 khoa chuyên môn, 03 trung tâm, 01 viện, 01 tạp chí, 01 website.

Quy định về tổ chức và quản lý Trường ĐHSP Nghệ thuật TW (Ban hành kèm theo Quyết định số 953/QĐ-ĐHSPNTTW ngày 30 tháng 6 năm 2017) nêu rõ chức năng, nhiệm vụ của từng đơn vị và đội ngũ cán bộ quản lý đã tạo điều

kiện cho các hoạt động được thực hiện một cách hiệu quả, có chất lượng. Trong những năm qua, Nhà trường đã từng bước hoàn thiện cơ cấu tổ chức, sắp xếp và hoàn chỉnh bộ máy phù hợp với vị thế và chức năng, nhiệm vụ của Trường. Trong giai đoạn hiện nay, sự mất cân đối về đội ngũ cán bộ, giảng viên, dư thừa lao động thực sự là vấn đề cần giải quyết.

Nhà trường coi trọng việc phát triển, bồi dưỡng nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên. Có chính sách, biện pháp tạo điều kiện cho đội ngũ cán bộ quản lý và giảng viên tham gia các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ trong và ngoài nước. Công tác tuyển dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ được thực hiện rõ ràng, minh bạch.

Hiện nay, Nhà trường có đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên có kinh nghiệm công tác, có trình độ chuyên môn vững vàng, tâm huyết với nghề, được đảm bảo quyền lợi, không ngừng phát triển cả về số lượng và chất lượng đội ngũ. Có 421 CB/GV. Trong đó, có 01 GS; 08 PGS; 27 TSKH/TS; 263 ThS và nhiều CB/GV đang theo học sau đại học. Có 04 NGUT; 01 NSUT; 09 GVCC, Chuyên viên CC; 57 GVC/CVC; 28 hội viên Hội mỹ thuật Việt Nam/Hội mỹ thuật Hà Nội, 21 hội viên hội nhạc sĩ Việt Nam, 06 hội viên hội nhà báo Việt Nam. Tuy nhiên, nguồn nhân lực có trình độ cao (GS, PGS, TS) chưa nhiều, chất lượng nguồn nhân lực chưa đáp ứng nhiệm vụ phát triển nhà trường trong giai đoạn hội nhập quốc tế. Cơ cấu về số lượng giảng viên vẫn chưa đồng đều giữa các ngành. Số giảng viên có các bài báo quốc tế, đề tài KHCN được các trường đại học khu vực và quốc tế biết đến còn ít. Nhiều cán bộ, giảng viên còn hạn chế về khả năng ngoại ngữ.

3.2. Về đào tạo

Hoạt động đào tạo của Nhà trường được thực hiện theo quy định và quy chế hiện hành của Bộ GD&ĐT, có sự vận dụng linh hoạt, phù hợp với đặc thù nghệ thuật; đa dạng hóa các loại hình đào tạo, phát triển năng lực của người học nhằm nâng cao chất lượng đào tạo con người toàn diện.

Về loại hình đào tạo, có sau đại học, đại học và cao đẳng chính quy, liên thông từ trung cấp/cao đẳng lên đại học (chính quy, vừa làm vừa học); đào tạo cấp chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm, các lớp bồi dưỡng năng khiếu nghệ thuật, tin

học, ngoại ngữ... Về ngành học, hiện tại Trường đảm nhận 11 mã ngành đào tạo đại học, 03 mã ngành đào tạo thạc sĩ, 01 mã ngành đào tạo tiến sĩ.

Chương trình, nội dung đào tạo của Trường được xây dựng theo đúng quy định, phù hợp với sứ mạng, mục tiêu giáo dục và chức năng, nhiệm vụ của Nhà trường.

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác đào tạo còn một số tồn tại: Nhà trường chưa tiến hành thường xuyên và hệ thống về công tác đánh giá chất lượng đào tạo. Việc xác định và ưu tiên đầu tư nâng cao chất lượng đào tạo một số ngành trọng điểm chưa triệt để, chưa đạt mục tiêu đề ra. Giáo trình một số môn học chuyên ngành còn thiếu. Chưa có đội ngũ chuyên gia am hiểu về đào tạo theo hệ thống tín chỉ khối ngành nghệ thuật nên chưa phát huy hết ưu điểm của phương thức quản lý đào tạo này. Các hình thức liên thông, liên kết đào tạo với các cơ sở giáo dục trong và ngoài nước chưa đa dạng.

Trong giai đoạn tới, Nhà trường xác định hoạt động đào tạo lại và đào tạo mới giáo viên nghệ thuật là nhiệm vụ đột phá và có ý nghĩa chiến lược đối với một trường Đại học Sư phạm nghệ thuật trọng điểm của đất nước.

3.3. Về nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế

Trong những năm qua, hoạt động NCKH đã được chú trọng, đầu tư dưới nhiều hình thức phong phú, đa dạng; công tác NCKH đang từng bước phát triển. Nhà trường đã xây dựng, triển khai kế hoạch cho từng giai đoạn, từng năm học. Các đề tài đều gắn với mục tiêu và chương trình đào tạo của Trường, được thực hiện và nghiệm thu đúng thời hạn.

Hoạt động HTQT cũng đạt được một số kết quả nhất định. Trường chủ động thiết lập các quan hệ giao lưu, hợp tác trao đổi học thuật với các trường đại học, các tổ chức giáo dục nước ngoài. Nhiều dự án trong và ngoài nước đã và đang được triển khai có hiệu quả, được Bộ GD&ĐT đánh giá cao và thiết thực trong công tác đổi mới phương pháp giảng dạy, nâng cao năng lực chuyên môn và NCKH, tạo bước chuyển biến tích cực về nguồn nhân lực và cơ sở vật chất của trường. Uy tín của Nhà trường ngày càng được nâng cao trong khối ngành nghệ thuật, trên thị trường giáo dục trong và ngoài nước.

Tuy nhiên, công tác NCKH và HTQT còn một số tồn tại cần khắc phục:

Chưa tập hợp được rộng rãi đội ngũ các nhà khoa học của Trường để xây dựng đề tài nghiên cứu, chương trình, dự án lớn, trọng điểm theo hướng chuyên ngành, liên ngành. Các công trình nghiên cứu khoa học còn mang tính đơn lẻ, chưa có sự tập trung cao về trí tuệ để giải quyết có hiệu quả những vấn đề lớn của thực tiễn. Hầu hết các cán bộ, giảng viên đều có chuyên môn về nghệ thuật, tuy nhiên về khả năng NCKH của đội ngũ giảng viên nghệ thuật còn hạn chế. Việc đưa đề tài khoa học áp dụng vào thực tế dạy học còn yếu (nhất là lĩnh vực chuyển giao công nghệ và sở hữu trí tuệ), chưa có nguồn thu từ hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ.

Công tác HTQT của Trường trong thời gian qua còn gặp nhiều khó khăn, hạn chế. Số lượng các chương trình hợp tác đào tạo, trao đổi học thuật, các dự án hợp tác với đơn vị, tổ chức nước ngoài được ký kết và triển khai chưa nhiều.

Đội ngũ cán bộ làm công tác HTQT còn mỏng và chưa có chuyên môn sâu. Đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý tham gia các dự án, liên kết HTQT còn ít, trình độ ngoại ngữ còn hạn chế dẫn đến không tự tin, thiếu chủ động trong hoạt động HTQT.

3.4. Cơ sở vật chất

Từ khi được nâng cấp lên trường đại học, song song với các công tác khác, việc tăng cường đầu tư cơ sở vật chất và trang thiết bị học tập về cơ bản đã đáp ứng được nhiệm vụ giảng dạy, học tập, thực hành, NCKH của cán bộ, giảng viên và sinh viên.

Từ năm 2012 đến 2017, Nhà trường đầu tư kinh phí xây dựng, cải tạo nâng cấp các công trình cho dạy và học; mua sắm trang thiết bị phục vụ giảng dạy. Cụ thể: Công trình nhà đa chức năng với diện tích sàn xây dựng 7.360m²; nâng cấp khu vực Hiệu bộ, cải tạo sửa chữa cơ sở vật chất phục vụ cho việc học tập các chuyên ngành văn hóa, nghệ thuật, thiết kế thời trang; cải tạo lớp học nhà C, sửa chữa nâng cấp nhà Kí túc xá sinh viên; mua sắm bàn ghế, đàn Piano, tivi, đầu đĩa, thiết bị âm thanh, máy vi tính, phần mềm quản lý, nâng cấp mạng Internet...

Đến nay, Nhà trường đã đưa vào sử dụng các công trình quan trọng như: Phòng truyền thống, Nhà đa chức năng (nhà E), Nhà ăn câu lạc bộ sinh viên, Sân

vận động... phục vụ cho các hoạt động giảng dạy, học tập thể dục thể thao... của cán bộ, giảng viên và sinh viên Nhà trường.

Tuy nhiên, thư viện điện tích còn hẹp, tài liệu phục vụ cho đào tạo còn hạn chế. Trang thiết bị bổ sung hàng năm chưa phù hợp với sự phát triển của Nhà trường, thiết bị cũ, lạc hậu, chưa đồng bộ; các chuyên ngành đào tạo của Nhà trường mang tính đặc thù do vậy một số phòng học chưa đạt yêu cầu về diện tích, ánh sáng và các thiết bị đặc thù chuyên ngành; Kinh phí bổ sung về cơ sở vật chất và trang thiết bị học tập còn hạn hẹp, chưa phù hợp thực tế.

3.5. Nguồn lực tài chính

Tài chính và quản lý tài chính là một trong những nhiệm vụ quan trọng, liên quan và gắn liền với mọi mặt hoạt động của Nhà trường. Trường ĐHSP NTTW là đơn vị hành chính sự nghiệp, nguồn tài chính chủ yếu từ 2 nguồn chính:

- Nguồn kinh phí ngân sách cấp;
- Nguồn thu sự nghiệp.

Trong những năm qua, Nhà trường đã triển khai kịp thời các chủ trương, chính sách và pháp luật nhà nước, các quy định, hướng dẫn của cấp trên về chế độ thu chi, quản lý tài chính, tài sản. Đồng thời, rà soát, điều chỉnh và bổ sung Quy chế chi tiêu nội bộ và quản lý tài chính tài sản theo tinh thần Nghị định 43 của Chính phủ, đưa công tác quản lý tài chính của Trường đi vào nề nếp, chủ động và tích cực; sử dụng hợp lý nguồn thu ngân sách. Công tác quản lý tài chính đã thực sự phục vụ đắc lực cho các hoạt động đào tạo, NCKH, đầu tư phát triển và các hoạt động khác như văn nghệ, thể thao và các hoạt động xã hội khác... góp phần tích cực cho sự phát triển của Trường.

Nguồn thu ngân sách và thu sự nghiệp còn thấp, các hoạt động nghiên cứu khoa học, dự án hợp tác và các dịch vụ đào tạo tư vấn chưa nhiều và chưa đem lại nguồn thu đáng kể để bổ sung và tăng nguồn kinh phí hoạt động cho đơn vị.

PHẦN THỨ BA

MỤC TIÊU VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Mục tiêu chiến lược

Xây dựng Trường ĐHSP Nghệ thuật TW trở thành trung tâm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao về giáo dục nghệ thuật ngang tầm các trường Đại học tiên tiến trong khu vực; là cơ sở bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học và ứng dụng nghệ thuật uy tín của Việt Nam trong thời kì hội nhập quốc tế.

2. Mục tiêu cụ thể và các giải pháp cơ bản

2.1. Tổ chức Đảng

- *Mục tiêu:* Xây dựng Đảng bộ trong sạch vững mạnh theo nghị quyết Đại hội XII của Đảng. Tạo niềm tin vững chắc của cán bộ, giảng viên và sinh viên với Đảng bộ Nhà trường.

- *Nội dung:*

+ Nâng cao vai trò lãnh đạo của cấp ủy, chi bộ, trên cơ sở quán triệt nghị quyết Đại hội XII của Đảng; chú trọng công tác phát triển Đảng;

+ Tăng cường xây dựng đội ngũ cán bộ Đảng viên có đủ năng lực lãnh đạo, bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức và phù hợp với thực tiễn của Nhà trường;

+ Hoàn thiện cơ chế, quy chế và tổ chức thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả việc tự phê bình, phê bình, chất vấn trong nội bộ Đảng; chỉnh đốn, ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái tư tưởng chính trị của Đảng viên;

+ Xây dựng và thực hiện có hiệu quả cơ chế phát huy vai trò của cán bộ, quần chúng, nhân dân tham gia xây dựng Đảng.

2.2. Tổ chức bộ máy và nhân sự

- *Mục tiêu:* Phát triển đội ngũ giảng viên và cán bộ quản lý toàn diện song chú trọng phát triển chất lượng, nâng cao trình độ. Có lộ trình điều chỉnh cân đối và đồng bộ về cơ cấu đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên. Phấn đấu năm 2030, có 500 cán bộ, giảng viên, trong đó 100% giảng viên đạt trình độ sau đại học, có trên 50 Tiến sĩ.

- *Nội dung:*

+ Hoàn thiện cơ chế quản lý và sử dụng nguồn nhân lực hiện có. Hoàn thiện hệ thống văn bản về quản lý theo hướng phân công, phân cấp rõ ràng trách nhiệm, quyền hạn của tập thể và cá nhân;

+ Rà soát chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy các đơn vị phòng, khoa,

viện, trung tâm và bộ môn để từ đó kiện toàn tổ chức bộ máy, cán bộ phù hợp với thực tiễn hoạt động của trường nghệ thuật, đáp ứng nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, đào tạo - bồi dưỡng đội ngũ cán bộ có trình độ đại học và sau đại học với chất lượng cao. Tăng cường tính tự chủ cho các khoa chuyên môn;

+ Phát triển nguồn nhân lực hợp lý, có chính sách thu hút nhân tài, mở rộng quy mô đào tạo, hoàn chỉnh hơn nữa bộ máy tổ chức, tiếp tục chính sách khuyến khích cán bộ, giảng viên đi học, từng bước nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ;

+ Coi trọng và có chính sách, biện pháp tạo điều kiện cho đội ngũ cán bộ quản lý và giảng viên tham gia các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ trong và ngoài nước. Công tác tuyển dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ được thực hiện rõ ràng, minh bạch.

2.3. Quy mô đào tạo

- *Mục tiêu:* Đa dạng hóa các ngành, trình độ và loại hình đào tạo để thực hiện tốt nhiệm vụ trọng tâm của Nhà trường; cung cấp nguồn nhân lực trong lĩnh vực văn hóa, giáo dục nghệ thuật đảm bảo theo yêu cầu chuẩn đầu ra về phẩm chất, kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp, đáp ứng nhu cầu xã hội và hội nhập quốc tế

- *Nội dung:*

+ Tiếp tục phát triển không những về quy mô mà còn không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo toàn diện để cạnh tranh với những cơ sở đào tạo uy tín cùng lĩnh vực trong nước. Tiếp cận với chất lượng của các trường đại học tiên tiến trong khu vực và thế giới;

+ Đa dạng hoá các loại hình đào tạo: vừa học vừa làm, liên thông, liên kết, văn bằng 2... nâng cao chất lượng đào tạo phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Tiếp tục phát triển công tác đào tạo liên kết với các địa phương, nâng cao chất lượng cho nguồn lao động tại chỗ của các địa phương. Đặc biệt chú ý đến công tác bồi dưỡng - đào tạo lại đội ngũ giáo viên nghệ thuật ở các trường phổ thông để đáp ứng yêu cầu đổi mới phương pháp, đổi mới giáo dục nghệ thuật trong các trường phổ thông;

+ Xây dựng quy trình tuyển sinh riêng, mang tính đặc thù đối với đối tượng

đào tạo, đồng thời áp dụng phương thức quản lý đào tạo tiên tiến, hiện đại, hướng tới người học;

+ Định hướng xây dựng chương trình theo hướng hiện đại, tiên tiến, liên thông, tiếp cận và hội nhập với các chương trình đào tạo của một số nước tiên tiến trong khu vực và trên thế giới. củng cố và nâng cao chất lượng chương trình đào tạo đã có, đồng thời nghiên cứu mở những mã ngành đào tạo mới đáp ứng nhu cầu của xã hội hiện nay như ngành: Quản lý văn hóa trình độ tiến sĩ, Báo chí nghệ thuật... góp phần chuẩn hóa đội ngũ khối ngành giáo dục và văn hóa - nghệ thuật.

Quy mô đào tạo

TT	Chỉ số	2017	2022	2030
	Quy mô đào tạo toàn Trường	4.683	4.950	6.000
1	Tiến sĩ	33	50	100
2	Thạc sĩ	560	500	600
3	Đại học, cao đẳng	4.090	4.400	5.000

2.4. Nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ

- *Mục tiêu:* Trở thành trung tâm nghiên cứu khoa học và công nghệ có uy tín ở Việt Nam về văn hóa, giáo dục nghệ thuật. Là cơ sở tin cậy cho Nhà nước, các doanh nghiệp, cơ quan địa phương trong và ngoài nước đặt hàng các dự án, đề tài khoa học và công nghệ trên các lĩnh vực văn hóa, giáo dục nghệ thuật. Phấn đấu đến năm 2020, hoạt động khoa học công nghệ mang lại nguồn thu của Trường và hàng năm có từ 03 đến 05 văn bằng sở hữu trí tuệ.

- *Nội dung:*

+ Xây dựng quy chế quy định rõ trách nhiệm của cán bộ, giảng viên đối với công tác nghiên cứu khoa học và đánh giá hoạt động nghiên cứu khoa học của cán bộ, giảng viên và các khoa trong thi đua hàng năm;

+ Xây dựng các chính sách về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ khoa học, đặc biệt nhấn mạnh chương trình thực tập sinh ngắn hạn; có chính sách thu hút cán bộ khoa học đầu ngành trong và ngoài nước về giảng dạy và nghiên cứu tại

Trường. Khuyến khích và tạo điều kiện để các giảng viên, sinh viên tham gia thực hiện các đề tài, dự án khoa học;

+ Thường xuyên tổ chức các hội thảo, hội nghị chuyên đề để các giảng viên, sinh viên được trao đổi, học tập với các nhà nghiên cứu có uy tín cao trong và ngoài nước. Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học các cấp trên cơ sở phát huy vai trò hoạt động của hội đồng khoa học và đào tạo của Trường và các khoa chuyên ngành;

+ Phát triển Trung tâm Ứng dụng và phát triển nghệ thuật, Viện nghiên cứu Sư phạm nghệ thuật của Trường theo hướng:

- a. Nghiên cứu phát triển giáo dục nghệ thuật ở Việt Nam
- b. Phát huy các giá trị, vai trò của nghệ thuật trong đời sống xã hội
- c. Tư vấn về văn hóa, giáo dục nghệ thuật truyền thống và đương đại Việt Nam
- d. Tổ chức các sự kiện văn hóa - nghệ thuật
- c. Các dịch vụ về lĩnh vực văn hóa, giáo dục nghệ thuật

+ Xây dựng đề án hợp tác trong nghiên cứu khoa học. Tăng cường hợp tác giữa các ngành, các lĩnh vực để xây dựng và triển khai các đề tài liên ngành lớn. Hiện đại hóa quản lý khoa học công nghệ bằng việc sử dụng công nghệ thông tin để nâng cao hiệu quả hoạt động quản lý.

2.5. Công tác sinh viên

- *Mục tiêu:* Bảo đảm giáo dục phẩm chất chính trị, đạo đức và lối sống lành mạnh; xây dựng phong cách ứng xử chuẩn mực của người học trong học tập và nghiên cứu khoa học. Sinh viên được đào tạo để trở thành những giáo viên, cán bộ văn hóa - nghệ thuật có trình độ chuyên môn vững vàng nhằm đáp ứng nhu cầu của xã hội về nguồn nhân lực, góp phần xây dựng công cuộc phát triển đất nước.

- *Nội dung:*

+ Nâng cao ý thức của người học thông qua việc phổ biến các văn bản pháp quy về công tác sinh viên như: thi đua khen thưởng - kỷ luật, quá trình học tập và rèn luyện, công tác quản lý sinh viên nội trú, ngoại trú;

+ Tổ chức, tham gia tổ chức các sự kiện, tổ chức buổi đối thoại giữa lãnh

đạo Nhà trường với người học để nắm bắt tình hình, tâm tư nguyện vọng của sinh viên, kịp thời tư vấn và giải quyết những vướng mắc cần tháo gỡ;

+ Tổ chức các khóa học ngắn hạn về kỹ năng mềm giúp hỗ trợ người học trong học tập và rèn luyện như: Công tác hướng nghiệp; kỹ năng làm việc nhóm; kỹ năng giao tiếp, ứng xử, phỏng vấn; kỹ năng quản lý, sáng tác, biểu diễn...

+ Bổ sung kiến thức chuyên ngành thực tế như mở các lớp bồi dưỡng ngắn hạn: nghiệp vụ sư phạm, quản lý nghệ thuật, tổ chức sự kiện, dàn dựng chương trình nghệ thuật tổng hợp, thiết kế mỹ thuật, sáng tác và biểu diễn nghệ thuật...

2.6. Kiểm định chất lượng giáo dục

- *Mục tiêu:* Xây dựng được hệ thống tự đảm bảo chất lượng trong Nhà trường, hoạt động hiệu quả giúp cho Nhà trường phát triển đúng theo định hướng, nhiệm vụ đề ra. Hệ thống quản lý chất lượng giáo dục của Nhà trường đạt chuẩn thông qua việc kiểm định theo các hệ thống quản lý chất lượng quy định trong nước và khu vực.

- *Nội dung:*

+ Triển khai thực hiện hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001. Hoàn thiện quy chế tổ chức hoạt động của từng đơn vị. Nâng cao vai trò đơn vị chuyên trách về đảm bảo chất lượng của Trường, hướng dẫn các đơn vị có liên quan xây dựng mục tiêu chính sách chất lượng theo mô tả công việc của từng đơn vị;

+ Xây dựng kế hoạch, từng bước triển khai áp dụng và kiểm định theo hệ thống quản lý chất lượng theo bộ tiêu chuẩn AUN-QA (*ASEAN University Network - Quality Assurance* - chuẩn kiểm định chất lượng dành cho hệ thống các trường đại học thuộc khối ASEAN);

+ Tăng cường nhận thức về vai trò của công tác tự đánh giá, đảm bảo chất lượng trong cán bộ, giảng viên và sinh viên nhằm tạo sự đồng thuận và nghiêm túc trong hoạt động đảm bảo chất lượng. Thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục theo đúng quy định của Bộ giáo dục và đào tạo và hướng tới đạt tiêu chuẩn quốc tế;

+ Triển khai thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo đối với cơ sở đào tạo đại học như: công bố các nội dung của ba công khai; công

bổ chuẩn đầu ra ngành đào tạo; tự đánh giá chất lượng giáo dục... hoàn thiện các tiêu chí đánh giá cán bộ, giảng viên Nhà trường; hoàn thiện và triển khai có hiệu quả các quy trình kiểm tra đánh giá như: lấy ý kiến người học đánh giá hoạt động giảng dạy của giảng viên/chương trình giảng dạy; lấy ý kiến người học đã tốt nghiệp; lấy ý kiến người sử dụng lao động.

2.7. Hợp tác quốc tế

- *Mục tiêu:* Mở rộng hợp tác trong và ngoài nước đảm bảo chất lượng và hiệu quả cao phục vụ công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học trên lĩnh vực văn hóa, giáo dục nghệ thuật. Tiếp cận các chuẩn giáo dục của các nước trong khu vực và trên thế giới nhằm áp dụng, sáng tạo phù hợp nhu cầu đào tạo tại Việt Nam.

- *Nội dung:*

+ Tăng cường ký kết và triển khai thực hiện các văn bản hợp tác với các trường đại học, các tổ chức quốc tế, nâng cao chất lượng hợp tác quốc tế nhằm tranh thủ sự hỗ trợ tối đa của các tổ chức, cơ quan nước ngoài để phát triển công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học;

+ Chú trọng xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ khoa học có trình độ cao để thực hiện hợp tác quốc tế trong điều kiện hợp tác các bên cùng có lợi và phát triển trong điều kiện đa phương hóa hiện nay;

+ Tích cực tạo nguồn tài chính để tăng khả năng mở rộng hợp tác quốc tế. Mặt khác cần chủ động tìm và tạo nguồn hỗ trợ cho hợp tác quốc tế từ các doanh nghiệp, các tổ chức xã hội trong và ngoài nước;

+ Tăng cường cử giảng viên, cán bộ quản lý ra nước ngoài học tập, giảng dạy và nghiên cứu; đồng thời mở rộng việc nhận chuyên gia các nước đến Trường để giảng dạy và nghiên cứu nhằm tạo điều kiện cho đội ngũ giảng viên của Trường có cơ hội tiếp cận và hội nhập trình độ của khu vực và thế giới;

+ Gắn các chương trình đào tạo, nghiên cứu khoa học với hoạt động hợp tác quốc tế: xây dựng các chương trình hợp tác nghiên cứu khoa học trong một số lĩnh vực đặc thù phù hợp thế mạnh của Nhà trường và được xã hội quan tâm;

+ Thường xuyên tổ chức và tham gia các hội nghị, hội thảo khoa học quốc tế; đẩy mạnh các chương trình giao lưu trao đổi học thuật, trao đổi sinh viên

nhằm mở rộng quan hệ, tìm kiếm đối tác hướng tới việc tạo ra một mạng lưới liên kết mở rộng, quảng bá hình ảnh nhà trường một cách rộng rãi;

+ Có chính sách mời các nhà khoa học nước ngoài về giảng dạy tại Trường. Thực hiện mô hình 1 + 3, hay 2 + 2, gửi sinh viên đi học tại trường đối tác ở nước ngoài, hoặc nhận sinh viên của trường đối tác sang học chuyên ngành tại Trường;

+ Thu hút sinh viên nước ngoài sang học tập tại Trường theo các ngành, các hệ đào tạo đại học/sau đại học. Trong đó chú trọng vào nhóm ngành về Giáo dục Nghệ thuật (Lý luận và phương pháp dạy học Âm nhạc, Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Mỹ thuật; Quản lý Nghệ thuật...);

+ Đổi mới công tác quản lý hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học theo hướng hội nhập toàn cầu và khu vực. Sử dụng những phương thức tổ chức đào tạo, nghiên cứu khoa học theo nguyên tắc mở, phối hợp và trao đổi, ứng dụng với các trường trong khu vực thuộc khối ngành văn hóa - nghệ thuật và sư phạm nghệ thuật.

2.8. Cơ sở vật chất

- *Mục tiêu:* Xây dựng Nhà trường có cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật đồng bộ, hiện đại, đạt tiêu chuẩn thiết kế các trường đại học Việt Nam. Đáp ứng nhu cầu giảng dạy, nghiên cứu, học tập có tính đặc thù trong lĩnh vực văn hóa, giáo dục nghệ thuật.

- *Nội dung:*

+ Thực hiện dự án xây dựng giảng đường học tập bộ môn chung, giảng đường đa năng và giảng đường khối mỹ thuật - Theo quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư năm 2016 của Bộ giáo dục và Đào tạo cho Trường ĐHSP Nghệ thuật TW;

+ Lập quy hoạch tổng thể phát triển Nhà trường, thực hiện dự án mở rộng đất giai đoạn I;

+ Tiếp tục đầu tư trang thiết bị giảng dạy và học tập theo hướng hiện đại, bổ sung trang thiết bị cho các phòng thực hành, xưởng thực nghiệm, hội trường theo hướng đồng bộ và hiện đại đáp ứng tốt yêu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học, học tập, ứng dụng khoa học công nghệ;

+ Đảm bảo diện tích sân chơi, bãi tập, khu thể dục thể thao, hội trường theo quy định; đủ trang thiết bị phục vụ tốt cho các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, các hoạt động tập thể và vui chơi, giải trí lành mạnh.

2.9. Nguồn tài chính

- *Mục tiêu:* Huy động các nguồn lực đảm bảo điều kiện để phục vụ Nhà trường cho quá trình phát triển. Đồng thời phân bổ hợp lý và sử dụng hiệu quả các nguồn thu nhằm đảm bảo chi thường xuyên ổn định. Từng bước nâng cao thu nhập cán bộ, giảng viên. Phân đấu tăng quy mô các nguồn thu, tiến tới đạt được sự tự chủ về tài chính theo đúng chủ trương.

- *Nội dung:*

+ Định hướng, dự kiến các nguồn thu tài chính có thể có trong các giai đoạn phát triển. Các nguồn thu cần huy động: học phí - đề xuất cơ chế riêng cho sinh viên khối nghệ thuật; nguồn thu từ hoạt động nghiên cứu khoa học, đào tạo liên kết, các chương trình ngắn hạn, dịch vụ; nguồn thu từ các dự án; ngân sách Nhà nước cấp, trong đó chủ yếu cho đầu tư phát triển; nguồn huy động từ xã hội (gồm liên kết của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, tài trợ từ các doanh nghiệp và đóng góp từ cựu sinh viên);

+ Định hướng, dự kiến các khoản chi theo các điều kiện cụ thể: chi thường xuyên cho hoạt động của Trường, trong đó không ngừng nâng cao thu nhập cho giảng viên và cán bộ; tăng cường chi cho các hoạt động nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học và đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ; và đáp ứng nhu cầu chi đầu tư phát triển;

+ Đề xuất cơ chế chính sách riêng đối với trường đào tạo đặc thù nghệ thuật không chỉ về mức thu học phí mà cần có chế độ ưu đãi đối với cán bộ, giảng viên làm việc trong các trường đại học chuyên ngành nghệ thuật;

2.10. Xây dựng và phát triển thương hiệu

- *Mục tiêu:* Duy trì và nâng cao thương hiệu của Nhà trường trong các hoạt động đào tạo, khoa học và công nghệ trên lĩnh vực văn hóa, giáo dục nghệ thuật

- *Nội dung:*

+ Khẳng định thương hiệu đối với các cơ quan quản lý;

+ Khẳng định thương hiệu đối với các đối tác và thị trường bằng chất

lượng đầu ra;

+ Khẳng định thương hiệu đối với xã hội, thúc đẩy nâng cao khả năng
tuyển sinh;

+ Khẳng định thương hiệu, uy tín đối với các đối tác quốc tế;

PHẦN THỨ TƯ

TỔ CHỨC THỰC HIỆN, GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ

1. Ban Giám hiệu chỉ đạo, kiểm tra sát sao kế hoạch chiến lược, kịp thời có các quyết sách đảm bảo kế hoạch chiến lược được thực hiện;

2. Từ mục tiêu chiến lược, hàng năm, các đơn vị xây dựng kế hoạch hành động/nhiệm vụ năm học, phổ biến tới mọi thành viên trong đơn vị; nâng cao nhận thức đối với việc thực hiện kế hoạch chiến lược và hình thành văn hoá chất lượng;

3. Phân cấp quản lý, đẩy mạnh vai trò tự chủ và tự chịu trách nhiệm của trưởng các đơn vị;

4. Ban hành, điều chỉnh, bổ sung các văn bản (quy chế, quy định, quy trình quản lý) thực hiện các mặt hoạt động của nhà trường đảm bảo tính khoa học và phù hợp với yêu cầu thực tiễn;

5. Thanh tra giáo dục phối hợp với các đơn vị định kỳ kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch chiến lược phát triển của Trường;

6. Hàng năm tổ chức các hội nghị chuyên đề đánh giá hiện trạng, hiệu quả thực hiện mục tiêu nhằm bổ sung, điều chỉnh các giải pháp đảm bảo thực hiện chiến lược đã đề ra.

HIỆU TRƯỞNG

(Đã kí)

TS. Đào Đăng Phụng

